TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Trọng Vũ**

2. Bà **Phạm Thu Trúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lư Trần Mỹ T**, sinh năm 1996; Trú tại: Số C, khu phố K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1995; Trú tại: Số C, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Đươgn sự có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Lư Trần Mỹ T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do không còn tình cảm với ông N nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Minh N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đồng ý để ông Nguyễn Minh N nuôi 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, ông Nguyễn Minh N trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Sau khi kết hôn thì về sống chung với gia đình ông N tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khoảng từ đầu năm 2024, do ông N làm ăn khó khăn nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà T tự bỏ đi về thị trấn T sinh sống. Ông N đồng ý ly hôn với bà T1, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đồng ý nuôi 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Ông N nuôi 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung do ông N không yêu cầu. Không xem xét giải quyết về tài sản chung; nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lư Trần Mỹ T, bị đơn ông Nguyễn Minh N có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Minh N có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh

Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N và ông N đồng ý ly hôn với bà T; cả hai đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này cho thấy bà T và ông N đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông N không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung tên: Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016, hiện đang sống với ông N. Bà T đồng ý để ông N tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản ghi ý kiến con ngày 07/5/2024, cháu K trình bày mong muốn được sống với ông N nếu cha mẹ ly hôn; ông N cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu K. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016 cho ông Nguyễn Minh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; ông N khai không có nên không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông N khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lư Trần Mỹ T đối với ông Nguyễn Minh N. Bà Lư Trần Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lư Trần Mỹ T và ông Nguyễn Minh N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Lư Trần Mỹ T, ông Nguyễn Minh N không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh N được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2016; bà L Trần Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn Minh N tự nguyện không yêu cầu.

Bà Lư Trần Mỹ T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Bà Lư Trần Mỹ T khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; ông Nguyễn Minh N khai không có nên không xem xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Lư Trần Mỹ T, ông Nguyễn Minh N khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lư Trần Mỹ T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000337 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Lư Trần Mỹ T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Tam Phước;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền